



shòu yī

兽医

noun · veterinarian

Example Sentences

wǒ de māo shēng bìng le wǒ jué dìng dài tā qù kàn shòu yī
我的猫生病了，我决定带它去看兽医。

My cat is sick, I decided to take it to see the veterinarian.

zhè wèi shòu yī duì dòng wù fēi cháng wēn róu
这位兽医对动物非常温柔。

This veterinarian is very gentle with animals.

Trace each character, then write the word on your own.

兽	兽	兽	兽	兽	兽	兽	兽	兽	兽	兽
兽	兽	兽								

医	医	医	医	医	医	医	医	医	医
